TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-PT
Ngày: 05/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân;
Ông Lê Nguyên Khoa,

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lữ Hồng Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/HS-PT, ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo Phạm Minh H,Trần Văn Ú, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu Thanh T1, Lê Thị H1 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V; kháng cáo của bị cáo Trần Văn Ú đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST, ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện TÔ, tỉnh V.

Các bị cáo bị kháng nghị, kháng cáo.

1/ **Phạm Minh H**, sinh ngày 12/3/1976, tại huyện T, tỉnh V; Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Sỹ H2 (chết) và bà Huỳnh Thị T2; vợ Lưu Thị Hạnh T3; con có 02 người (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2023 đến ngày 16/6/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Trần Văn Ú**, sinh ngày 01/01/1973, tại huyện T, tỉnh V; Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T4 (chết) và bà Lương Thị H3 (chết); có vợ Nguyễn Thị Mười B1; con có 02 người (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3/ **Lê Hoàng T**, sinh ngày 08/7/1977, tại huyện T, tỉnh V; Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 02/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phát T5 (chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ Huỳnh Thị Thúy H4; con có 02 người (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng T: Ông **Nguyễn Hoàng Đ** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

4/ **Nguyễn Tấn B**, sinh ngày 01/01/1950, tại huyện T, tỉnh V; Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Lê Thị B2; có vợ Trần Thị Bé H5, con có 05 người (lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1986).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Lưu Thanh T1**, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh V.

2/ Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 16 giờ 10 phút ngày 19/3/2023, nhận được tin báo của người dân về việc Phạm Minh H đang có hành vi mua bán số lô, số đề tại nhà thuộc ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Công an xã X tiến hành kiểm tra và bắt quả tang H đang tổng hợp số lô, số đề của người tham gia đánh bạc (người mua số đề) và chọn lọc những số lô, số đề để chuyển cho Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B để hưởng tiền chênh lệnh, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu S2, loại Galaxy J8 và 01 (một) điện thoại di động hiệu S2, loại Galaxy A8. Sau đó, chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã chứng minh được: Ngày 18/3/2023 và ngày 19/3/2023, Phạm Minh H thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề căn cứ trên kết quả xổ số kiến thiết miền N có tất cả 18 lô và đài miền B (đài T, Hà Nội) có tất cả 27 lô mở thưởng trong ngày. H mua bán số lô, số đề với người mua số sau đó chọn lọc giữ lại chi trả thưởng người mua, những con số còn lại chuyển giao cho Nguyễn Tấn B, Lê Hoàng T để hưởng chênh lệch. Để thực hiện việc mua bán, chuyển số lô, số đề H sử dụng 02 điện thoại: 01 điện thoại hiệu Samsung (đã bị tạm giữ) với cách thức: người mua sẽ nhắn tin vào tài khoản Zalo tên "Minh H" hoặc các số điện thoại 0939.739.862; 0969.435.409 với nội dung thể hiện số tiền, con số, đài xổ số, H sẽ nhắn lại "ok", "ok1, 2, 3,…" để xác nhận đồng ý bán số lô, số đề với người tham gia đánh bạc. Sau khi có kết quả xổ số H sẽ tổng hợp các con số, đối chiếu, tính số tiền thắng thua và thanh toán trực tiếp với người tham gia đánh bạc. Đến ngày 19/3/2023, trong lúc đang tổng hợp số lô, số đề của người tham gia đánh bạc và

chọn lọc chuyển cho Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B thì bị bắt quả tang (lúc bắt quả tang chưa có kết quả xổ số).

Qua kết quả kiểm tra điện thoại thể hiện Phạm Minh H lưu trữ bán số lô, số đề cho nhiều người, ngày 18/3/2023 dựa trên kết quả xổ số của các đài Hậu Giang, Long An, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh (đài miền N) và miền B (Hà Nội, T), ngày 19/3/2023 dựa trên kết quả xổ số của các đài Kiên Giang, Tiền Giang và Đà L (đài miền N), cụ thể như sau:

- Ngày 18/3/2023, Phạm Minh H bán và giao số đề cho những đối tượng sau:

+ Trần Văn Ú đánh bạc với H (mua số đề của H) với số tiền là 17.980.000 đồng đài H9; số tiền 33.750.000 đồng đài miền B. Để thu hút người tham gia đánh bạc, H nhận của Ú số tiền 13.000.000 đồng đối với đài H9 (thấp hơn số tiền trong tin nhắn là 4.980.000 đồng); 25.000.000 đồng đối với đài miền B (thấp hơn số tiền thể hiện trong tin nhắn là 8.750.000 đồng). Kết quả xổ số, đài Hậu Giang, Ú không trúng, đài miền Bắc Ú trúng số tiền 17.500.000 đồng (Ú đã nhận tiền).

+ Lưu Thanh T1 đánh bạc với H số tiền là 720.000 đồng, nhưng H chỉ nhận của số tiền T1 số tiền 520.000 đồng (thấp hơn số tiền trong tin nhắn là 200.000 đồng).

+ Lê Thị H1 đánh bạc với H số tiền 2.408.000 đồng các đài miền N và đài miền B3 là 1.080.000 đồng, H chỉ nhận của H1 là 1.742.000.000 đồng đối với đài Hậu Giang, Long An, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh (thấp hơn số tiền trong tin nhắn là 666.000 đồng) và 800.000 đồng đài miền B3 (thấp hơn số tiền thể hiện trong tin nhắn là 280.000 đồng). Theo kết quả sổ xố đài Hậu Giang, Long An và thành phố Hồ Chí Minh, Hà trúng số đề với số tiền 1.470.000 đồng; đài miền B trúng số tiền 1.580.000 đồng. Tiền mua số và trúng số H1 và H đã thanh toán xong.

+ Một người tên S (không rõ nhân thân, địa chỉ) tham gia đánh bạc với H với số tiền 1.240.000 đồng, H nhận số tiền 910.000 đồng (thấp hơn số tiền trong tin nhắn là 330.000 đồng), kết quả không trúng, số tiền này H chưa nhận của S (Cơ quan điều tra không làm việc được với S).

- Ngày 19/3/2023, Phạm Minh H bán và giao số đề cho những đối tượng sau (chỉ bán và giao đài miền N):

+ Trần Văn Ú tham gia đánh bạc với H, Ú mua số lô, số đề đài Kiên Giang của H với số tiền thể hiện trên phơi là 18.180.000 đồng nhưng Ú chỉ trả H số tiền 13.130.000 đồng (thấp hơn số tiền thể hiện trong tin nhắn là 5.050.000 đồng), số tiền 13.130.000 đồng Ú chưa thanh toán cho H.

+ Đồng thời, H còn đánh bạc với Lưu Thanh T1 số tiền 360.000 đồng; Nguyễn Tuấn H6 số tiền 360.000 đồng; Lê Thị H1 số tiền 3.078.000 đồng.

Ngoài việc bán số lô, số đề cho những người tham gia đánh bạc, H còn thực hiện việc giao, nhận số tiền đánh bạc (giao nhận phơi đề) với Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B :

+ Lê Hoàng T chuyển giao cho H số tiền đánh bạc đài miền N là 6.064.000 đồng và đài miền B3 là 3.494.000 đồng, số tiền thực tế T chỉ tính

người mua số là 6.937.000 đồng, T chuyển giao cho H, H nhận số tiền 6.790.400 đồng. Trong đó, đài miền N 4.190.400 đồng, đài miền Bắc 2.600.000 đồng (thấp hơn số tiền thể hiện trên tin nhắn là 2.621.000 đồng đài miền N và 2.767.600 đồng đài miền B). Kết quả, đài miền N trúng số tiền 3.500.000 đồng, đài miền B trúng số tiền 5.850.000 đồng.

+ Phạm Minh H bán số lô, số đề rồi chuyển cho T với tổng số tiền đài miền N là 2.294.000 đồng, đài miền B là 4.050.000 đồng, H chuyển phơi cho T thì T nhận đài miền N là 1.664.000 đồng, đài miền B là 3.000.000 đồng (thấp hơn số tiền thể hiện trong tin nhắn lần lượt là 630.000 và 1.050.000 đồng). Kết quả, đài miền N trúng số tiền 1.400.000 đồng, đài miền B trúng số tiền 3.700.000 đồng.

+ Phạm Minh H chuyển giao số lô, số đề cho Nguyễn Tấn B số tiền đài miền N là 4.192.000 đồng; đài miền B là 4.860.000 đồng; B giao cho H số tiền 6.548.400 đồng. Trong đó, đài miền N 2.948.400 đồng; đài miền Bắc 3.600.000 đồng (thấp hơn số tiền thể hiện trên tin nhắn là 1.243.600 đồng đài miền N và 1.260.000 đồng đài miền B).

Tổng cộng, Phạm Minh H phải chịu trách nhiệm hình sự số tiền bán, nhận số lô, số đề ngày 18/3/2023 đài miền N là 33.382.000 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng) và đài miền B3 là 63.254.000 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn đồng); ngày 19/3/2023 là 25.291.000 đồng; số tiền chuyển từ Lê Hoàng T là 3.313.000 đồng.

Trần Văn Ú phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đánh bạc ngày 18/03/2023 là 51.250.000 đồng; ngày 19/3/2023 là 18.180.000 đồng.

- Lê Hoàng T phải chịu trách nhiệm hình sự số tiền đánh bạc đài miền N là 13.528.000đồng; đài miền B3 là 9.344.000 đồng.

- Nguyễn Tấn B phải chịu trách nhiệm hình sự số tiền đánh bạc đài miền Bắc là 12.260.000 đồng và đài miền N là 4.192.000 đồng.

- Tại Cáo trạng số: 10/CT-VKSTÔ ngày 16/1/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TÔ truy tố Phạm Minh H, Trần Văn Ú về tội Đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST, ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh H, Trần Văn Ú, Lê Hoàng T và Nguyễn Tấn B phạm tội *"Đánh bạc"*.

1/ Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự .

Xử phạt bị cáo Phạm Minh H 03 (ba*)* năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án (bị cáo được khấu trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2023 đến ngày 16/6/2023).

2/ Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

3/ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm p, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/02/2024).

4/ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm o, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/02/2024).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc ghi, mua, bán, chuyển, nhận số lô, số đề và tiền thu lợi bất chính. Cụ thể:

+ Buộc bị cáo Phạm Minh H nộp tổng cộng số tiền 127.927.000 đồng, nhưng khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005028 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, còn lại 125.927.000 đồng buộc bị cáo nộp tiếp.

+ Buộc bị cáo Trần Văn Ú nộp số tiền 87.410.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005031 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, còn lại 86.410.000 đồng buộc bị cáo nộp tiếp.

+ Buộc bị cáo Lê Hoàng T nộp số tiền 39.413.000 đồng, nhưng khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 2.547.500 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005030 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, còn lại 36.865.500 đồng buộc bị cáo nộp tiếp.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Tấn B nộp số tiền 24.724.000 đồng, nhưng khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 23.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000218 ngày 23/01/2024 và Biên lai thu tiền số 0005029 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, còn lại 1.724.000 đồng buộc bị cáo nộp tiếp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/3/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã có Quyết định kháng nghị số: 59/QĐ - VKS kháng nghị bản án hình sự số: 08/2024/HS-ST, ngày 20/2/2024 đối với các bị cáo Phạm Minh H, Trần Văn Ú, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thanh T1, Lê Thị H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo H, Ú, T, B; T1, H1 để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Ngày 04/3/2024, bị cáo Trần Văn Ú có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; xem xét lại số tiền phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 30.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng nội dung vụ án, cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc các bị cáo nộp số tiền sung quỹ Nhà nước theo số tiền các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là chưa đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ Luật Hình sự và điểm a,b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị số: 59/QĐ-VKS, ngày 20/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V buộc các bị cáo nộp số tiền các bị cáo dùng vào việc ghi, mua, bán, chuyển, nhận số lô, số đề và tiền thu lợi bất chính vào ngân sách Nhà nước như sau:

+ Bị cáo Phạm Minh H phải nộp số tiền là 43.880.000 đồng, bị cáo H đã nộp 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bị cáo phải nộp thêm số tiền 41.880.000 đồng.

+ Bị cáo Trần Văn Ú phải nộp số tiền 49.410.000 đồng, bị cáo Ú đã nộp 1.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TÔ và tại cấp phúc thẩm bị cáo Ú đã nộp số tiền 25.000.000 đồng, bị cáo Ú phải nộp thêm số tiền 23.410.000 đồng.

+ Bị cáo T phải nộp số tiền 21.594.000 đồng, bị cáo T đã nộp 2.547.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TÔ, bị cáo T phải nộp thêm số tiền 19.047.600 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Tấn B nộp số tiền 9.548.400 đồng, bị cáo B đã nộp 23.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TÔ nên trả lại cho bị cáo B số tiền 13.451.600 đồng.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thanh T1 phải nộp số tiền là 200.000 đồng.

+ Rút kháng nghị đối với bà Lê Thị H1.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Ú tại phiên bị cáo Ú thay đổi yêu cầu kháng cáo: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã cung cấp có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực với cơ quan trong quá trình giải quyết vụ án cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Ú xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc.

- Bị cáo Trần Văn Ú trình bày: Bị cáo thống nhất với tội danh bị cáo bị xét xử. Bị cáo thống nhất với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đối với số tiền buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh bị cáo khó khăn, con bị cáo còn đi học, bị cáo đã nộp thêm số tiền sung ngân sách Nhà nước số tiền 25.000.000 đồng.

- Các bị cáo Phạm Minh H, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B, anh Lưu Thanh T1: Thống nhất với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V.

- Lời nói sau cùng bị cáo Trần Văn Ú trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt.

- Lời nói sau cùng bị cáo Phạm Minh H, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B trình bày: Xin xem xét lại số tiền nộp Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Minh H, Trần Văn Ú, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu Thanh T1, Lê Thị H1 thừa nhận: Vào ngày 18/03/2023 và ngày 19/3/2023, bị cáo Phạm Minh H có hành vi đánh bạc với hình thức ghi bán số lô, số đề cho Trần Văn Ú, Lưu Thanh T1, Lê Thị H1; giao và nhận số lô, số đề với Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Phạm Minh H, Trần Văn Ú, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B phạm tội Đánh bạc là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V rút kháng nghị đối với bà Lê Thị H1, căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ Luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng nghị đối với bà Lê Thị H1.

Các bị cáo H, Ú, T, B số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là số tiền các bị cáo đặt cược (trên các phơi đề, tin nhắn…) để tính tỷ lệ thắng cược (thắng) đây là số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đã tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, khi tham gia đánh bạc các bị cáo giao, nhận là số tiền tiền thực tế (số tiền giao nhận giữa người mua số đề và người bán số đề) nên số tiền này là công cụ phạm tội của các bị cáo nên khi tịch thu cần tịch thu số tiền thực nhận giữa các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ Luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình; đối với số tiền các bị cáo đã trả cho người bán thì người bán số lô số đề phải tịch thu; người mua không phải chịu tịch thu đối với số tiền nêu trên; đối với số tiền chủ đề (người bán số đề) nhận tiền của người mua số đề thì người chủ đề phải chịu trách nhiệm nộp sung ngân sách Nhà nước; nếu chủ đề đã trả thưởng cho người mua khi người mua số đề trúng thưởng thì người mua phải bị tịch thu số tiền đã trúng thưởng. Do đó, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để ghi, mua bán, chuyển số lô, số đề như sau:

Bị cáo Nguyễn Minh H7 phải nộp số tiền 43.880.000 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo H7 đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005028

ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, buộc bị H7 phải nộp thêm số tiền 41.880.000 đồng (bốn mươi mốt triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Bị cáo Trần Văn Ú phải nộp số tiền 35.680.000 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 26.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0005031 ngày 19/2/2024 và Biên lai thu số 005044 ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, bị cáo Ú phải nộp thêm số tiền 9.680.000 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Bị cáo Lê Hoàng T phải nộp số tiền 18.827.000 được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 2.547.500 đồng theo Biên lai thu số 0005030 ngày 19/02/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, buộc bị cáo T phải nộp thêm số tiền 16.279.500 đồng (mười sáu triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Bị cáo Nguyễn Tấn B phải nộp số tiền 9.548.400 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 23.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000218 ngày 23/01/2024 và Biên lai thu tiền số 0005029 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, còn lại số tiền 13.451.600 đồng (mười ba triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn sáu trăm đồng).

Anh Lưu Thanh T1 không phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) sung vào Ngân sách nhà nước như nhận định tại [3].

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn Ú

- Trong vụ án bị cáo Ú là người trực tiếp đánh bạc với bị cáo H7 bằng hình thức mua số lô, số đề. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

- Khi quyết định hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Ú kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Ú cung cấp các tài liệu chứng cứ tại cấp phúc thẩm: Cha ruột Trần Văn T4 và anh ruột của bị cáo là Trần Minh H8 và Trần Văn S1 có tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và tham gia chiến trường Campuchia, bà ngoại vợ là liệt sĩ, có bác ruột là liệt sĩ, bị cáo đã nộp tiền sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 25.000.000 đồng là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đây là những tình tiết giảm nhẹ chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt; trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực với cơ quan trong quá trình giải quyết vụ án cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đối với yêu cầu kháng cáo xin xem xét số tiền truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước được xem xét tại kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V.

Các quyết định khác các bản án, quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 342; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn Ú.

Đình chỉ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đối với bà Lê Thị H1.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST, ngày 20/2/2024 của Tòa án nhân dân huyện TÔ, tỉnh V về hình phạt tù đối với bị cáo Trần Văn Ú, số tiền tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước mà các bị cáo Phạm Minh H, Trần Văn Ú, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B tham gia đánh bạc (mua, bán, chuyển giao, nhận các phơi số lô, số đề và tiền thu lợi bất chính).

1/ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo Phạm Minh H, Trần Văn Ú, Lê Hoàng T, Nguyễn Tấn B tham gia đánh bạc (mua, bán, chuyển giao, nhận các phơi số lô, số đề và tiền thu lợi bất chính) cụ thể:

Bị cáo Phạm Minh H phải nộp số tiền 43.880.000 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005028 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, buộc bị cáo H phải nộp thêm số tiền 41.880.000 đồng (bốn mươi mốt triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Bị cáo Trần Văn Ú phải nộp số tiền 35.680.000 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 26.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005031 ngày 19/02/2024 và Biên lai thu tiền số 005044, ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, buộc bị cáo Ú phải nộp thêm số tiền 9.680.000 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Bị cáo Lê Hoàng T phải nộp số tiền 18.827.000 được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 2.547.500 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005030 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, buộc bị cáo T phải nộp thêm số tiền 16.279.500 đồng (mười sáu triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Bị cáo Nguyễn Tấn B phải nộp số tiền 9.548.400 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp 23.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000218 ngày 23/01/2024 và Biên lai thu tiền số 0005029 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÔ, còn lại số tiền 13.451.600 đồng (mười ba triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn sáu trăm đồng) hoàn trả cho bị cáo B.

2/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
-TANDTC (01);
-TANDCC (01);
-VKSNDCC (01);
-VKSND.TVL (01);
-TAND.HTÔ (02);
-VKSND.HTÔ (01);
-CQTHAHS.HTÔ (01);
-CQTHADS.HTÔ (01);
-Trại TG.TVL (01);
- Bị cáo (05);
-Phòng HSCATVL (01);
-Sở TPTVL(01);
-UBND xã nơi bị cáo cư trú;
-Lưu: HS, KTNV,TNV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Duy Mỹ Ngọc